

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Tri	Ủy viên
Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên
Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Trần Hữu Giang	Phó Giám đốc
Ông Lê Lân	Phó Giám đốc
Ông Ngô Phan Hòa Bình	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Số: /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô Thị Dầu Khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty Mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vấn đề này vẫn chưa được đối chiếu và xử lý xong. Theo đó, kết luận ngoại trừ cho khoản mục này vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, khoản phải thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng với các công ty Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (“PVC-PT”), Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (“PVC-Metal”) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) với tổng số tiền 23.337.891.636 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu này vẫn chưa được đối chiếu xác nhận nợ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1529-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.147.751.041.197	1.151.901.392.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.913.779.898	39.666.896.222
1. Tiền	111		8.395.733.648	5.625.367.900
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.518.046.250	34.041.528.322
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.795.532.309	135.453.831.455
1. Phải thu khách hàng	131	5	68.496.730.444	105.530.379.965
2. Trả trước cho người bán	132		6.625.642.930	7.211.052.597
3. Các khoản phải thu khác	135	6	54.097.556.954	45.339.144.983
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.424.398.019)	(22.626.746.090)
III. Hàng tồn kho	140	7	944.218.768.989	905.974.488.694
1. Hàng tồn kho	141		944.218.768.989	905.974.488.694
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		71.822.960.001	70.806.176.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.516.488.961	6.744.735.311
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.642.110.625	46.937.971.605
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	13.480.742.480	13.376.361.652
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.183.617.935	3.747.107.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+240+250+270)	200		861.382.616.308	911.289.497.563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		218.932.356.019	199.108.252.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	214.299.022.686	194.474.919.028
2. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	4.633.333.333
II. Tài sản cố định	220		493.374.296.547	479.162.705.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	90.581.584.651	93.083.736.325
- Nguyên giá	222		104.676.179.573	104.636.634.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.094.594.922)	(11.552.897.793)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	22.252.304.389	22.530.420.016
- Nguyên giá	228		23.428.114.825	23.428.114.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.175.810.436)	(897.694.809)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	380.540.407.507	363.548.549.609
III. Bất động sản đầu tư	240	12	33.165.979.123	63.434.069.889
- Nguyên giá	241		36.143.310.859	65.847.211.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.977.331.736)	(2.413.141.779)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	36.000.000.000	68.729.070.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		36.000.000.000	71.165.290.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(2.436.220.000)
V. Tài sản dài hạn khác	270		79.909.984.619	100.855.399.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	14	9.106.198.879	766.199.363
2. Tài sản dài hạn khác	278	15	70.803.785.740	100.089.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.009.133.657.505	2.063.190.890.466

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.019.419.790.739	1.058.939.009.895
I. Nợ ngắn hạn	310		851.382.761.457	757.670.748.415
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	154.153.943.929	61.640.485.258
2. Phải trả người bán	312		53.197.282.670	77.250.875.803
3. Người mua trả tiền trước	313		247.514.385.732	237.085.719.478
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	23.967.090.502	25.291.769.515
5. Phải trả người lao động	315		884.474.844	1.147.922.979
6. Chi phí phải trả	316	18	186.781.570.831	164.370.408.968
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	184.833.691.716	190.447.645.181
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		50.321.233	435.921.233
II. Nợ dài hạn	330		168.037.029.282	301.268.261.480
1. Phải trả dài hạn người bán	331		1.745.227.767	2.620.062.581
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	166.291.801.515	298.648.198.899
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		854.050.269.488	868.346.685.625
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	854.050.269.488	868.346.685.625
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.729.462.313	11.729.462.313
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.729.462.313	11.729.462.313
5. Lỗ lũy kế	420		(161.542.169.218)	(147.245.753.081)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	135.663.597.278	135.905.194.946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		2.009.133.657.505	2.063.190.890.466


 Người lập biểu/ Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Nga


 Giám đốc
 Bùi Minh Chính
 Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.126.617.086	454.806.745.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.009.151.500	15.590.815.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	47.117.465.586	439.215.929.754
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	46.512.861.726	412.962.293.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		604.603.860	26.253.635.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.642.537.113	3.733.759.219
7. Chi phí tài chính	22	27	25.181.021.906	40.263.714.444
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.164.271.956	40.115.164.444
8. Chi phí bán hàng	24		3.910.459.996	3.518.187.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.653.184.322	10.534.753.861
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(35.497.525.251)	(24.329.260.755)
11. Thu nhập khác	31		30.570.987.514	3.417.525.364
12. Chi phí khác	32		9.611.476.068	22.887.124.593
13. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40=31-32)	40	28	20.959.511.446	(19.469.599.229)
14. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14.538.013.805)	(43.798.859.984)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
16. Lỗ sau thuế (60=50-51)	60		(14.538.013.805)	(43.798.859.984)
16.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		22	(241.597.668)	(354.568.382)
16.2 Lợi ích của cổ đông công ty mẹ			(14.296.416.137)	(43.444.291.602)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(145)	(439)

Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga

Giám đốc

Bùi Minh Chính

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ ĐẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lãi trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>(14.538.013.805)</i>	<i>(43.798.859.984)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.785.327.561	7.703.015.153
Các khoản dự phòng	03	(3.638.568.071)	148.550.000
Lãi/ (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(8.045.741.152)	15.571.263.044
Chi phí lãi vay	06	25.164.271.956	40.115.164.444
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>2.727.276.489</i>	<i>19.739.132.657</i>
Biến động các khoản phải thu	09	25.631.992.949	(98.541.294.137)
Biến động hàng tồn kho	10	(38.244.280.295)	245.855.736.859
Biến động các khoản phải trả	11	11.711.113.834	(327.944.581.944)
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	4.947.173.793	19.999.498.695
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.519.073.618)	(20.420.390.357)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	694.280.752	488.545.364
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.504.635.797)	(6.877.842.997)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>3.443.848.107</i>	<i>(167.701.195.860)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua, xây dựng tài sản cố định	21	(2.559.607.841)	(4.168.762.462)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	21.666.843.975	130.000.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	980.430.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	573.793.148	2.814.068.959
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>20.661.459.282</i>	<i>128.645.306.497</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	326.525.827
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39.842.938.713)	(94.404.400.469)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(15.485.000)	(27.360.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(39.858.423.713)</i>	<i>(94.105.234.642)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(15.753.116.324)	(133.161.124.005)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.666.896.222	191.186.239.772
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	23.913.779.898	58.025.115.767

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 22.645.198.358 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 47.883.993.878 đồng) là chi phí lãi vay còn phải trả cho ngân hàng và các bên cho vay. Tuy nhiên, tiền lãi vay trả trong kỳ đã bao gồm số tiền 140.684.330 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 32.931.495.389 đồng) là chi phí lãi vay của kỳ trước thanh toán trong kỳ này.

Kai

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Trong kỳ, dòng tiền từ hoạt động đầu tư không bao gồm số tiền 16.475.156.025 đồng là số tiền chưa nhận được từ việc chuyển nhượng bất động sản đầu tư. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải thu.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí ("PVC-IC") như trình bày ở Thuyết minh số 13. Giá trị khoản đầu tư được chuyển nhượng là 32.194.290.000 đồng thể hiện số tiền đã được cân trừ với các khoản nợ phải trả cho PVC-IC. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần, biến động các khoản phải trả.



Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga



Giám đốc
Bùi Minh Chính
Ngày 29 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và ba công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 110 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty mẹ có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh được đặt tại cùng tòa nhà trên.

Các công ty con

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 350.504.480.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại tầng 06, số 02, Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 200.387.520.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản trong đường tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải	04 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Máy móc và thiết bị	07
Tài sản cố định khác	04

Thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo số tiền thực góp theo thỏa thuận của hợp đồng. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	661,399,278	988,249,750
Tiền gửi ngân hàng	7,734,334,370	4,637,118,150
Các khoản tương đương tiền (i)	15,518,046,250	34,041,528,322
	<u>23,913,779,898</u>	<u>39,666,896,222</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất là 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 từ 7% đến 8%).

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn	68.496.730.444	105.530.379.965
- Dự án chung cư Petroland Quận 2	73.279.198	25.767.898.240
- Dự án Trung tâm Thương mại Dầu khí Phú Mỹ Hưng	61.079.088.321	71.025.456.359
- Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7	160.993.415	160.993.415
- Khác	7.183.369.510	8.576.031.951
Phải thu dài hạn	214.299.022.686	194.474.919.028
- Dự án chung cư Petroland Quận 2	86.836.547.363	78.951.388.954
- Dự án Trung tâm Thương mại Dầu khí Phú Mỹ Hưng	126.547.535.470	115.523.530.074
- Khác	914.939.853	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.424.398.019)	(22.626.746.090)
- Dự án Trung tâm Thương mại Dầu khí Phú Mỹ Hưng	(17.804.982.812)	(20.410.486.403)
- Khác	(3.619.415.207)	(2.216.259.687)
	<u>261.371.355.111</u>	<u>277.378.552.903</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	8.986.651.441	8.443.304.218
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng	40.910.836.379	32.855.093.924
- Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY	2.806.311.040	2.806.311.040
- Công ty Cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí ("PVC-Metal") (*)	21.658.167.121	8.407.199.010
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí ("PVC-IC") (**)	-	7.319.843.471
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("PVC-PT") (***)	5.371.985.341	5.371.985.341
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") (***)	11.074.372.877	8.949.755.062
Trích trước lãi phải thu	385.972.604	351.533.527
Phải thu khác	3.814.096.530	3.689.213.314
	<u>54.097.556.954</u>	<u>45.339.144.983</u>

(*) Khoản mục này bao gồm:

- Số tiền phạt chậm tiến độ PVC- Metal phải trả cho Công ty là 19.718.405.160 đồng tại dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng theo biên bản làm việc và phụ lục quyết toán hợp đồng ngày 04 tháng 6 năm 2014 về việc quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của PVC-Metal.

- Số tiền 6.891.533.418 đồng là khoản phải thu do phạt chậm tiến độ tại dự án chung cư Petroland Quận 2 vẫn chưa được Công ty và PVC-Metal làm việc để xác nhận nợ giữa 2 bên.

(**) Theo Biên bản số 542/BB- PETROLAND ngày 26 tháng 6 năm 2014 về việc quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của PVC-IC tại dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Công ty phải trả cho PVC-IC là 37.855.889.263 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã cần trừ số tiền chuyển nhượng vốn góp tại Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát vào giá trị công nợ phải trả nêu trên, theo biên bản bù trừ công nợ ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(***) Khoản phải thu từ PVC-PT và PVC-SG với tổng số tiền 16.446.358.218 đồng là khoản lãi phạt do chậm tiến độ. Khoản phải thu này phát sinh từ năm 2012 đến nay vẫn chưa được xác nhận nợ và thu hồi.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	106.529.381	123.140.836
Công cụ, dụng cụ	7.424.134	1.244.134
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	756.526.473.220	716.463.818.659
Trong đó:		
Chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 (*)	326.672.944.544	322.954.545.455
Chung cư Mỹ Phú (**)	422.407.994.541	381.048.292.230
Chi phí dở dang khác	-	3.700.021.750
Các công trình tư vấn quản lý dự án	7.445.534.135	8.761.089.224
Hàng hóa	187.578.342.254	189.386.285.065
Trong đó:		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	13.687.582.304	13.687.582.272
Dự án Trung tâm Thương mại Dầu khí Phú Mỹ Hưng	173.890.759.950	175.698.702.793
	<u>944.218.768.989</u>	<u>905.974.488.694</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

(*) Chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 là số tiền mà Công ty mẹ trả cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (gọi tắt là “Vũ Anh”) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng để thực hiện các chi phí đền bù giải tỏa và các chi phí khác để có được quyền sử dụng đất cho lô đất với diện tích 60.626,4 m² thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng lô đất này của Công ty hiện đang chờ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Khoản tiền này cũng được ghi nhận là khoản vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, một công ty con.

Cũng theo hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng thì Vũ Anh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thực hiện dự án với thời hạn cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Vũ Anh đồng thời chịu trách nhiệm đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích đất mà hai bên thống nhất hợp tác đầu tư. Công ty đã thanh toán cho Vũ Anh số tiền 345 tỷ đồng và sẽ thanh toán số tiền còn lại khoảng 49 tỷ đồng khi Vũ Anh cung cấp quyết định giao đất của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bên Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

(**) Dự án chung cư Mỹ Phú tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã chậm tiến độ bàn giao nhà với thời gian chậm bàn giao là 18 tháng tính từ ngày cuối cùng phải bàn giao theo thỏa thuận trong hợp đồng với người mua. Nguyên nhân chậm bàn giao là do Nhà thầu thi công khó khăn về tài chính dẫn đến ngưng công trình giữa chừng. Công ty sẽ phạt nhà thầu vi phạm hợp đồng dẫn đến chậm bàn giao nhà cho khách hàng.

Tại ngày 05 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, công ty con và Công ty Cổ phần ACC245 đã ký Phụ lục hợp đồng số 02/2014/PLHĐ-DKMP của Hợp đồng xây dựng số 07/2013/HĐ-DKMP về việc “Giao nhận thầu trọn gói” gói thầu số 1 “Xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống M&E” thuộc dự án “Chung cư cao tầng Mỹ Phú” với nội dung bổ sung điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tại ngày này, hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng kỳ hạn bất động sản tại dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú đồng ý thế chấp cho Công ty Cổ phần ACC245 một số tài sản có tổng giá trị là 64.857.980.000 đồng để làm tài sản đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng. Chi tiết tài sản đảm bảo như sau:

- Hai (02) sàn thương mại có diện tích 3.058,2 m² và tám (08) căn Penthouse thuộc dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú với số tiền là 41.222.720.000 đồng.

- Một (01) sàn thương mại có diện tích 1.193,7 m² tại tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng với số tiền là 23.635.260.000 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.324.127.513	13.324.127.513
Thuế thu nhập cá nhân	156.614.967	52.234.139
	<u><u>13.480.742.480</u></u>	<u><u>13.376.361.652</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÃU B 09-DN/HN**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	97.402.269.046	291.489.181	5.403.683.945	983.198.446	555.993.500	104.636.634.118
Mua trong kỳ	-	-	39.545.455	-	-	39.545.455
Tại ngày 30/6/2014	<u>97.402.269.046</u>	<u>291.489.181</u>	<u>5.443.229.400</u>	<u>983.198.446</u>	<u>555.993.500</u>	<u>104.676.179.573</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	6.241.472.540	26.525.970	4.385.568.213	716.972.082	182.358.988	11.552.897.793
Khấu hao trong kỳ	2.140.925.136	3.701.298	285.861.583	70.309.274	40.899.838	2.541.697.129
Tại ngày 30/6/2014	<u>8.382.397.676</u>	<u>30.227.268</u>	<u>4.671.429.796</u>	<u>787.281.356</u>	<u>223.258.826</u>	<u>14.094.594.922</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	<u>89.019.871.370</u>	<u>261.261.913</u>	<u>771.799.604</u>	<u>195.917.090</u>	<u>332.734.674</u>	<u>90.581.584.651</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>91.160.796.506</u>	<u>264.963.211</u>	<u>1.018.115.732</u>	<u>266.226.364</u>	<u>373.634.512</u>	<u>93.083.736.325</u>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.269.084.203 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 473.632.991 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014 và 30/6/2014	<u>22.952.202.825</u>	<u>475.912.000</u>	<u>23.428.114.825</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	487.293.396	410.401.413	897.694.809
Khấu hao trong kỳ	<u>243.646.698</u>	<u>34.468.929</u>	<u>278.115.627</u>
Tại ngày 30/6/2014	<u>730.940.094</u>	<u>444.870.342</u>	<u>1.175.810.436</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	<u><u>22.221.262.731</u></u>	<u><u>31.041.658</u></u>	<u><u>22.252.304.389</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>22.464.909.429</u></u>	<u><u>65.510.587</u></u>	<u><u>22.530.420.016</u></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐÓNG DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu	153.944.139.357	153.932.975.903
Thị công kiến trúc văn phòng làm việc Công ty Petroland tại Phú Mỹ Hưng	-	7.361.535.535
Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	<u>226.596.268.150</u>	<u>202.254.038.171</u>
	<u><u>380.540.407.507</u></u>	<u><u>363.548.549.609</u></u>

Dự án Khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu đặt tại Phường 10 và 11 thành phố Vũng Tàu có tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 1.500 tỷ đồng bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thuế, lãi vay và các chi phí khác. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là chi phí liên quan đến bồi thường và giải phóng mặt bằng.

Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh đặt tại thôn Vinh Bình, Cù Hin, xã Cam Hòa, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích khoảng 171,9 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 2.047 tỷ đồng. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là chi phí liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng, thiết kế dự án, tiền sử dụng đất và các chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa & vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	12.327.504.428	53.519.707.240	65.847.211.668
Giảm do chuyển nhượng	(5.601.351.420)	(24.102.549.389)	(29.703.900.809)
Tại ngày 30/6/2014	<u>6.726.153.008</u>	<u>29.417.157.851</u>	<u>36.143.310.859</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	129.431.717	2.283.710.062	2.413.141.779
Trích khấu hao trong kỳ	110.402.856	855.111.949	965.514.805
Giảm do chuyển nhượng	-	(401.324.848)	(401.324.848)
Tại ngày 30/6/2014	<u>239.834.573</u>	<u>2.737.497.163</u>	<u>2.977.331.736</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	<u><u>6.486.318.435</u></u>	<u><u>26.679.660.688</u></u>	<u><u>33.165.979.123</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>12.198.072.711</u></u>	<u><u>51.235.997.178</u></u>	<u><u>63.434.069.889</u></u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành thuộc sở hữu Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư cổ phiếu PSG của PVC-SG	-	2.971.000.000
Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	-	32.194.290.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(2.436.220.000)
	<u><u>36.000.000.000</u></u>	<u><u>68.729.070.000</u></u>

Các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là số tiền góp vốn hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Sông Hồng tại Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty theo hợp đồng là 30% (tương đương 48.825.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (“PVC-IC”) theo Công văn số 534/PETROLAND/KHĐT ngày 24 tháng 6 năm 2014 với số tiền là 2.194.290.000 đồng. Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp này đã được Công ty trừ với khoản phải trả PVC-IC như trình bày tại Thuyết minh số 6.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	8.638.354.078	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	467.844.801	766.199.363
	<u>9.106.198.879</u>	<u>766.199.363</u>

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ký quỹ dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	70.714.585.740	100.000.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	89.200.000	89.200.000
	<u>70.803.785.740</u>	<u>100.089.200.000</u>

Khoản ký quỹ Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (gọi tắt là “Petroland Nha Trang”) nộp ứng trước tiền thuê đất để đảm bảo thực hiện dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2721/SKHĐT-HTĐT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa. Trong kỳ, Petroland Nha Trang đã thanh toán tiền sử dụng đất với số tiền là 23.428.331.408 đồng cho Cục thuế tỉnh Khánh Hòa theo Thông báo số 20TB/TSDĐ ngày 10 tháng 01 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Petroland Nha Trang vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	61.170.235.258
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	61.170.235.258
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	154.153.943.929	470.250.000
	<u>154.153.943.929</u>	<u>61.640.485.258</u>

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt- Chi nhánh Hồ Chí Minh (“Baoviet Bank Ho Chi Minh”) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh (“VietinBank Hồ Chí Minh”) đến hạn trả.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	23.953.738.867	25.140.339.767
Thuế thu nhập cá nhân	13.351.635	151.429.748
	<u>23.967.090.502</u>	<u>25.291.769.515</u>

Mười

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trích trước dự án Phú Mỹ Hưng	18.788.384.831	19.091.126.568
Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2	31.316.426.210	31.316.426.210
Chi phí trích trước dự án Mỹ Phú	53.561.899.454	53.591.899.454
Chi phí lãi vay phải trả	79.704.036.952	58.478.359.312
Chi phí trích trước khác	3.410.823.384	1.892.597.424
	<u>186.781.570.831</u>	<u>164.370.408.968</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền đặt cọc mua căn hộ	1.907.310.000	2.269.860.000
Phải trả Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY do thanh lý hợp đồng	5.738.022.246	12.068.877.578
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”) (*)	89.514.452.551	89.422.881.369
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh	9.611.627.197	6.480.028.443
Quỹ bảo trì dự án Phú Mỹ Hưng	6.348.058.883	6.122.338.885
Quỹ bảo trì dự án Petroland Quận 2	8.185.343.923	7.653.739.221
Quỹ bảo trì dự án Mỹ Phú	2.051.064.246	2.051.064.246
Cổ tức phải trả	40.446.427.300	40.461.912.300
- Trong đó, cổ tức phải trả PVC	14.405.852.000	14.405.852.000
Tiền phạt chậm bàn giao dự án Petroland Quận 2	2.096.806.170	4.790.620.611
Phải trả khác	8.084.578.873	8.276.322.201
	<u>184.833.691.716</u>	<u>190.447.645.181</u>

(*) Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (“PVC”) thể hiện khoản vay tạm của PVC thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (“OceanBank”) nhận thanh toán để chuyển nhượng cho Công ty 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Số tiền còn lại là 28.835.361.369 đồng là khoản hỗ trợ vốn của PVC cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 13,5%/năm.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	320.445.745.444	299.118.448.899
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả		
(được trình bày ở Thuyết minh số 16)	154.153.943.929	470.250.000
	<u>166.291.801.515</u>	<u>298.648.198.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	154.153.943.929	470.250.000
Trong năm thứ hai	101.699.350.615	154.055.747.999
Từ ba năm đến năm thứ năm	64.592.450.900	144.592.450.900
Sau năm năm	-	-
	320.445.745.444	299.118.448.899
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	154.153.943.929	470.250.000
Số phải trả sau 12 tháng	166.291.801.515	298.648.198.899

Hợp đồng tín dụng ký với VietinBank Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản vay có số dư 291.763.748.899 đồng.

Theo Phụ lục số 03 ngày 19 tháng 3 năm 2014 sửa đổi và bổ sung Hợp đồng số 002/2011/HĐTD1/BVB03 ngày 30 tháng 12 năm 2011, khoản vay tại Baoviet Bank Hồ Chí Minh được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo lịch trả nợ như sau:

<u>Lịch thanh toán cũ</u>		<u>Lịch thanh toán mới</u>	
<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Số tiền</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>
18/3/2014	28.681.996.545	30/6/2014	-
		30/9/2014	2.582.645.930
		31/12/2014	360.000.000
		31/3/2015	20.000.000
		30/6/2015	4.020.000.000
		30/9/2015	3.620.000.000
		31/12/2015	460.000.000
		31/3/2016	220.000.000
		30/6/2016	17.399.350.615
			28.681.996.545

Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu (đến hạn và chưa đến hạn) thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng “Chung cư Petroland” tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2 theo Hợp đồng thế chấp số 1003668.B.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 1003668.A.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và các phụ lục, văn bản có liên quan được ký kết giữa Công ty và Baoviet Bank Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản vay có số dư 28.681.996.545 đồng.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮUCổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phần được mua lại	1.134.920	1.134.920
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	1.134.920	1.134.920
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	98.865.080	98.865.080
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	98.865.080	98.865.080
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 30/6/2014 (VND)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2013 (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	36.014.630	36,01	360.146.300.000	360.146.300.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	8.100	0,01	81.000.000	81.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.000.000	8,00	80.000.000.000	80.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu Tư tài chính Công Đoàn Dầu Khí	469.600	0,47	4.696.000.000	4.696.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	5.000.000	5,00	50.000.000.000	50.000.000.000
Các đối tượng khác	41.507.670	41,51	415.076.700.000	415.076.700.000
Cộng	100.000.000	100	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(9.783.166.556)	1.005.809.272.150
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(137.156.469.148)	(137.156.469.148)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(306.117.377)	(306.117.377)
Số dư tại ngày 31/12/2013	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(147.245.753.081)	868.346.685.625
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(14.296.416.137)	(14.296.416.137)
Số dư tại ngày 30/6/2014	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(161.542.169.218)	854.050.269.488

22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	315.425.000.000	196.150.000.000	119.275.000.000	37,81%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9,84%
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	352.505.600.000	350.504.480.000	2.001.120.000	0,57%

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2014:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nhà Trang	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Tổng
Tổng tài sản	VND 312.981.346.855	VND 522.380.741.946	VND 362.591.140.221	VND 1.197.953.229.022
Tổng nợ phải trả	(4.459.237.667)	(350.552.508.406)	(14.051.348.068)	(369.063.094.141)
Tài sản thuần	308.522.109.188	171.828.233.540	348.539.792.153	828.890.134.881
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn cổ phần	315.425.000.000	174.488.000.000	352.505.600.000	842.418.600.000
Lỗ lũy kế	(6.902.890.812)	(2.659.766.460)	(3.965.807.847)	(13.528.465.119)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	119.275.000.000	17.163.000.000	2.001.120.000	138.439.120.000
Lỗ lũy kế	(2.501.168.967)	(261.620.121)	(12.733.634)	(2.775.522.722)
	116.773.831.033	16.901.379.879	1.988.386.366	135.663.597.278

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty như sau:

	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nhà Trang	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Tổng cộng
Lỗ trong kỳ	VND (537.513.494)	VND (374.248.048)	VND (269.547.554)	VND (1.181.309.096)
Lỗ của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(203.255.677)	(36.811.811)	(1.530.180)	(241.597.668)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở trong lãnh thổ Việt Nam.

24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	53.126.617.086	454.806.745.628
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	38.138.970.753	437.809.694.525
- Dự án TT Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	38.138.970.753	36.337.673.384
- Dự án chung cư Quận 2	-	271.472.021.141
- Chuyển nhượng tòa nhà Trương Định	-	130.000.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.987.646.333	16.997.051.103
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.009.151.500	15.590.815.874
Chiết khấu bán hàng	-	14.398.714.334
Hàng bán bị trả lại	6.009.151.500	1.192.101.540
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.117.465.586	439.215.929.754

25. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	31.270.787.533	395.026.073.929
- Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	31.270.787.533	25.446.033.111
- Dự án chung cư Quận 2	-	220.056.419.940
- Chuyển nhượng tòa nhà Trương Định	-	149.523.620.878
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.242.074.193	17.936.219.844
	46.512.861.726	412.962.293.773

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	1.196.887.113	3.733.759.219
Thu nhập từ bán chứng khoán PSG của PVC-SG	445.650.000	-
	1.642.537.113	3.733.759.219

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	25.164.271.956	40.115.164.444
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	148.550.000
Chi phí tài chính khác	16.749.950	-
	25.181.021.906	40.263.714.444

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***28. LỢI NHUẬN/ (LỖ) KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu từ chi hộ tiền điện nước cho bên thuê	2.540.476.215	2.369.683.363
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	667.895.632	358.026.798
Thu nhập từ phạt chậm tiến độ	27.286.307.641	-
Thu nhập khác	76.308.026	689.815.203
Thu nhập khác	30.570.987.514	3.417.525.364
Chi hộ tiền điện nước cho bên thuê	(2.530.382.828)	(2.382.346.891)
Phạt chậm bàn giao căn hộ	-	(10.640.298.522)
Phạt thuế giá trị gia tăng	(3.131.598.754)	(3.037.206.307)
Phạt chậm thanh toán	(3.415.565.705)	-
Chi phí khác	(533.928.781)	(6.827.272.873)
Chi phí khác	(9.611.476.068)	(22.887.124.593)
Lợi nhuận/(lỗ) khác	20.959.511.446	(19.469.599.229)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lỗ trước thuế	(14.538.013.805)	(43.798.859.984)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.305.095.907	3.373.931.307
Lỗ tính thuế	(11.232.917.898)	(40.424.928.677)
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 152.218.212.013 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 141.527.542.549 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lỗ tính thuế của Công ty được mang sang và sẽ đảo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Công ty Cổ phần	Công ty Cổ phần	Công ty Cổ phần	Công ty Cổ phần	Tổng cộng
	Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú VND	Đầu tư Dầu khí Thăng Long VND	Đầu tư Dầu khí Nha Trang VND	Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí VND	
2016	-	1.400.439.878	-	-	1.400.439.878
2017	-	1.411.912.607	3.661.229.371	-	5.073.141.978
2018	778.654.814	689.598.524	2.868.536.309	130.144.532.866	134.481.322.513
2019	374.248.048	269.547.554	535.352.827	11.237.062.077	12.416.210.506
	1.152.902.862	3.771.498.563	7.065.118.507	141.381.594.943	153.371.114.875

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	(14.296.416.137)	(43.444.291.602)
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.865.080	98.865.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(145)	(439)

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư dài hạn khác đang thực hiện, chưa hoàn thành. Chi tiết số vốn đã cam kết và sẽ thanh toán trong tương lai như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Góp vốn hợp tác đầu tư - Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	12.825.000.000	12.825.000.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	12.825.000.000	12.825.000.000
Góp vốn hợp tác đầu tư - Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	-	17.700.090.000
- Trên 1 năm đến 3 năm	-	17.700.090.000
	12.825.000.000	30.525.090.000

Tại ngày 04 tháng 12 năm 2013, Petroland Mỹ Phú ký Hợp đồng số 07/2013/HĐ-DKMP liên quan đến "Xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống M&E của dự án Chung cư Cao tầng Mỹ Phú" với Công ty Cổ phần ACC245. Theo đó, tổng giá trị cam kết thanh toán theo hợp đồng này là 151.801.000.000 đồng.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế.

Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất**Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	320.445.745.444	360.288.684.157
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	23.913.779.898	39.666.896.222
Nợ thuần	296.531.965.546	320.621.787.935
Vốn chủ sở hữu	<u>854.050.269.488</u>	<u>868.346.685.625</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>35%</u>	<u>37%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.913.779.898	39.666.896.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	341.526.643.417	349.977.777.309
Các khoản ký quỹ, ký cược	84.200.000	404.200.000
Đầu tư dài hạn	-	534.780.000
	<u>365.524.623.315</u>	<u>390.583.653.531</u>

Công nợ tài chính

Các khoản vay	320.445.745.444	360.288.684.157
Phải trả người bán và phải trả khác	189.718.147.656	223.376.642.822
Chi phí phải trả	186.781.570.831	164.370.408.968
	<u>696.945.463.931</u>	<u>748.035.735.947</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất****Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lỗ trước thuế <u>VND</u>
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014		
VND	+200	(6.408.914.909)
VND	-200	6.408.914.909
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013		
VND	+200	(8.263.188.738)
VND	-200	8.263.188.738

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì tiền được nhận trước dựa trên thời hạn thanh toán trên hợp đồng bán hàng. Các khoản phải thu khách hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ được thanh toán khi Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành giấy chứng nhận sở hữu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.913.779.898	-	23.913.779.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.594.287.398	218.932.356.019	341.526.643.417
Các khoản ký quỹ, ký cược	10.000.000	74.200.000	84.200.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	146.518.067.296	219.006.556.019	365.524.623.315
Các khoản vay	154.153.943.929	166.291.801.515	320.445.745.444
Phải trả người bán và phải trả khác	187.972.919.889	1.745.227.767	189.718.147.656
Chi phí phải trả	186.781.570.831	-	186.781.570.831
Tổng cộng	528.908.434.649	168.037.029.282	696.945.463.931
Chênh lệch thanh khoản thuần	(382.390.367.353)	50.969.526.737	(331.420.840.616)
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.666.896.222	-	39.666.896.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.869.524.948	199.108.252.361	349.977.777.309
Các khoản ký quỹ, ký cược	330.000.000	74.200.000	404.200.000
Đầu tư dài hạn	-	534.780.000	534.780.000
Tổng cộng	190.866.421.170	199.717.232.361	390.583.653.531
Các khoản vay	61.640.485.258	298.648.198.899	360.288.684.157
Phải trả người bán và phải trả khác	220.756.580.241	2.620.062.581	223.376.642.822
Chi phí phải trả	164.370.408.968	-	164.370.408.968
Tổng cộng	446.767.474.467	301.268.261.480	748.035.735.947
Chênh lệch thanh khoản thuần	(255.901.053.297)	(101.551.029.119)	(357.452.082.416)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Công ty lập kế hoạch tăng cường thu hồi nợ phải thu của khách hàng, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại một số dự án đầu tư như Dự án nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp, Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Nha Trang, bán giao các diện tích còn lại tại Chung cư Petroland Quận 2 và Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng, xin điều chỉnh lãi suất ngân hàng để đảm bảo Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.205.394.245	4.599.542.187
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	587.763.630	797.805.002

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4,991,026,528	4,991,026,528
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	718,508,036	718,508,036
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	103,920,304,551	103,920,863,560
Lãi vay phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>34,835,016,522</u>	<u>30,629,622,277</u>

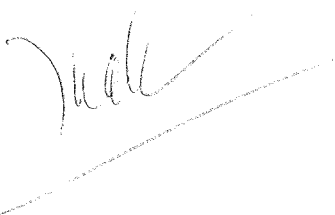
34. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Như trình bày ở Thuyết minh số 7 về hàng tồn kho, Dự án chung cư Mỹ Phú tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã chậm tiến độ bàn giao nhà với thời gian chậm bàn giao là 12 tháng tính từ ngày cuối cùng phải bàn giao theo thỏa thuận trong hợp đồng với người mua do việc thay đổi nhà thầu thi công. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú ("Petroland Mỹ Phú"), chủ đầu tư dự án có thể sẽ phải thanh toán tiền phạt chậm tiến độ bàn giao nhà. Tuy nhiên, Petroland Mỹ Phú không trích lập dự phòng tiền phạt nói trên vì tin tưởng rằng Petroland Mỹ Phú có thể thương thảo với người mua về việc điều chỉnh thời hạn giao nhà.

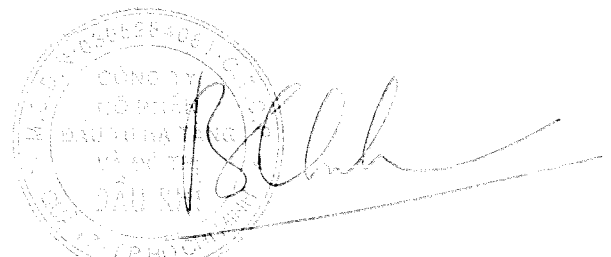
Theo Biên bản Hội nghị khách hàng về việc Tái khởi động xây dựng chung cư cao tầng Mỹ Phú ngày 28 tháng 12 năm 2013, bốn bên tham gia cuộc họp bao gồm: chủ đầu tư dự án - Petroland Mỹ Phú, Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh TP.HCM, Nhà thầu xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống M&E - Công ty Cổ phần ACC245 và đại diện người mua căn hộ đã thống nhất việc thực hiện ký kết các hợp đồng quản lý tài khoản, bao gồm bốn bên: Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh TP.HCM, Chủ đầu tư dự án- Petroland Mỹ Phú, người mua căn hộ và Nhà thầu - Công ty Cổ phần ACC245. Theo đó, người mua căn hộ sẽ thanh toán số tiền còn lại theo các điều khoản của hợp đồng mua căn hộ đã ký kết trước đây với chủ đầu tư và số tiền này sẽ được người mua căn hộ thanh toán trong vòng 5 đợt theo tiến độ thi công theo các điều khoản của hợp đồng quản lý tài khoản nói trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Petroland Mỹ Phú đã ký kết hợp đồng quản lý tài khoản với các khách hàng và đang tiếp tục thực hiện việc ký kết với tất cả người mua căn hộ.

35. THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ vào Nghị quyết số 953/NQ-XLDK ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ("PVC") về việc chấp thuận chủ trương sẽ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang thực hiện đàm phán với đơn vị tư vấn và đối tác nhận chuyển nhượng.



Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga



Giám đốc
Bùi Minh Chính
Ngày 29 tháng 8 năm 2014